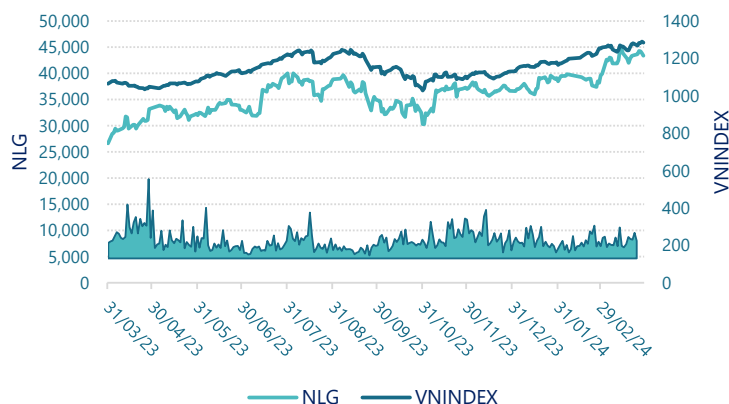


CTCP Đầu tư Nam Long (HSX: NLG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	43,350
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	44,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	26,632
SL cổ phiếu LH	384,777,471
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,161,931
% sở hữu nước ngoài	42.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	16,680
P/E	41.7
EPS	1,040

DT thuần

Q1/24

205

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1,431 | -87.5%

YoY: ▼30.0 | -12.9%

LN sau thuế

Q1/24

-65.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼547 | -113%

YoY: ▼81.2 | -501%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

39.2%

+/- YoY: ▲ 9.9%

DT thuần

2023

3,181

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,158 | -26.7%

LN sau thuế

2023

800

tỷ VNĐ

YoY: ▼66.0 | -7.5%

ROE

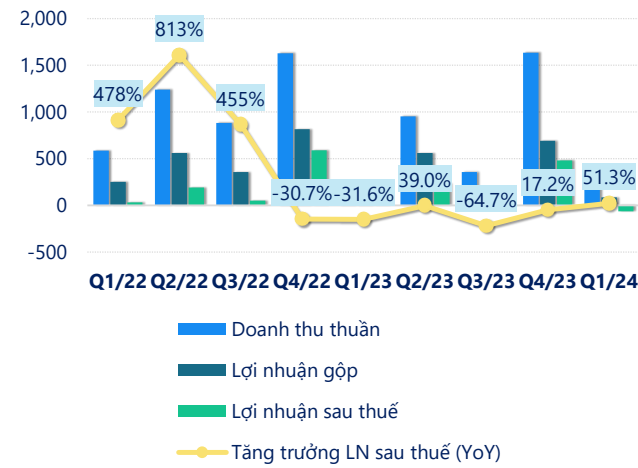
2023

3.6%

+/- YoY: ▼ 0.5%

tỷ VNĐ

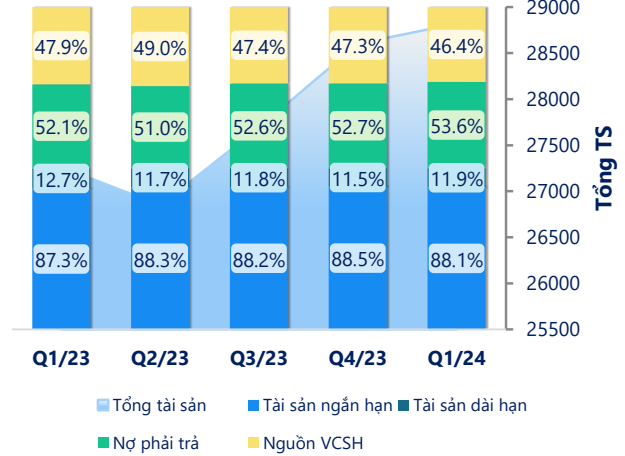
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

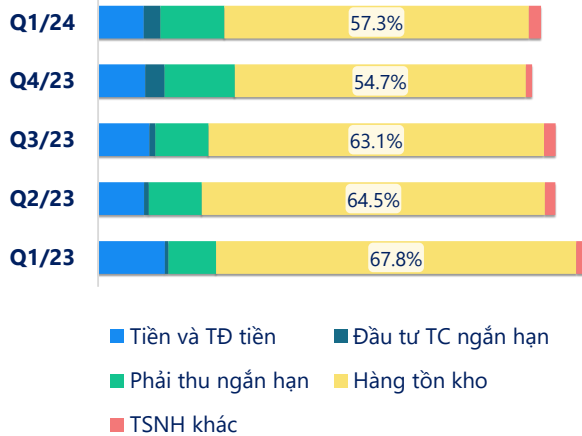
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



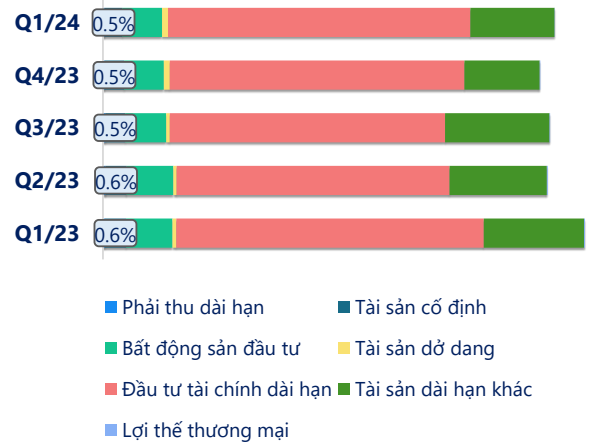
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

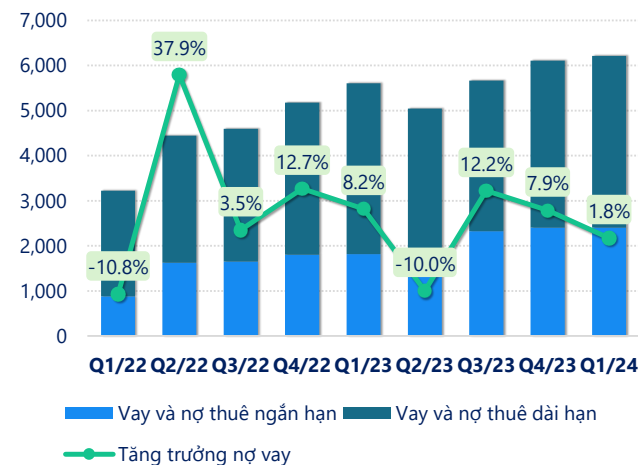
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

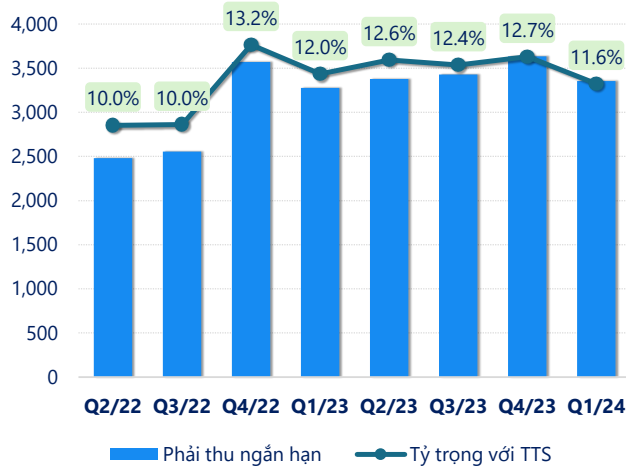
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


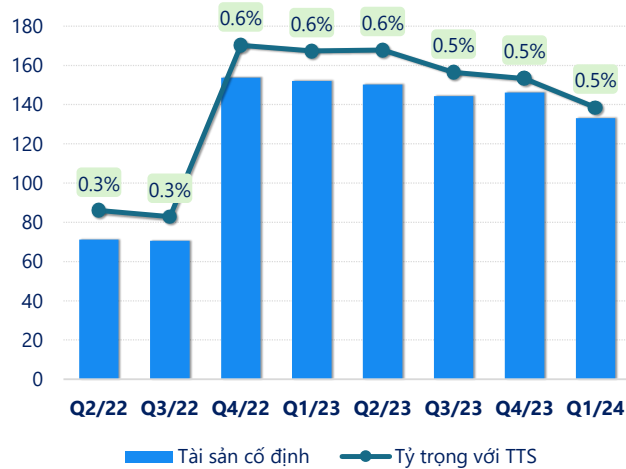
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

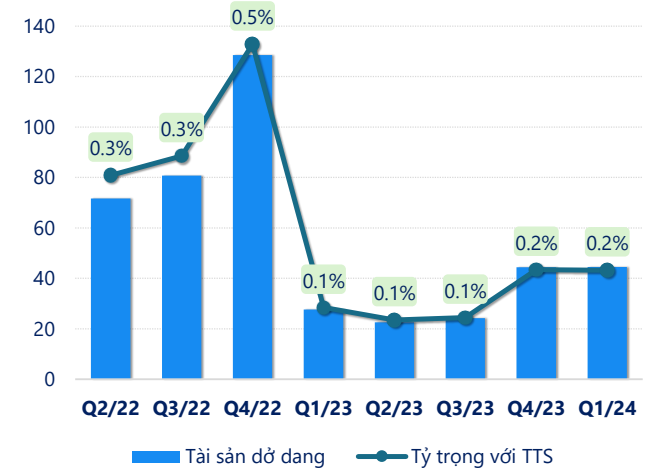

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

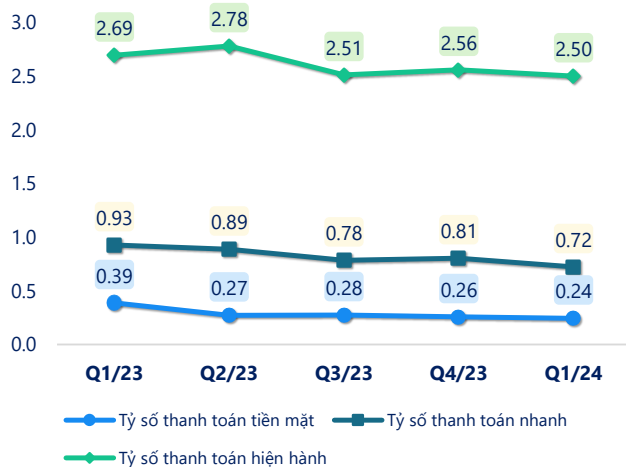
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

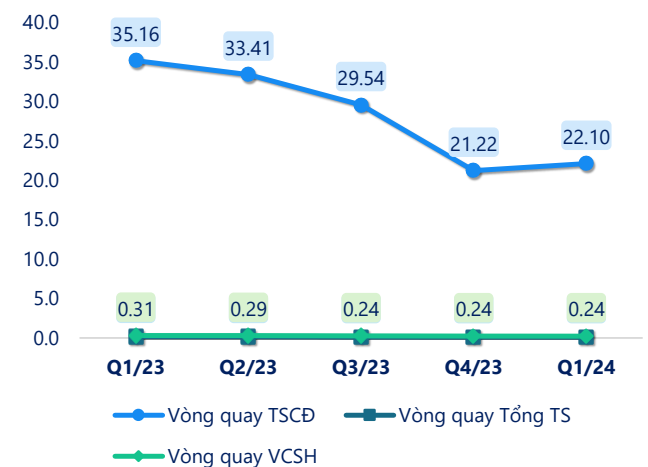
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	27,264	26,849	27,693	28,602	28,822
Tài sản ngắn hạn	23,804	23,705	24,432	25,309	25,392
Tiền và tương đương tiền	3,426	2,320	2,677	2,540	2,473
Đầu tư tài chính ngắn hạn	855	1,172	830	1,050	702
Phải thu ngắn hạn	3,277	3,377	3,427	3,634	3,353
Hàng tồn kho	15,612	16,152	16,800	17,348	18,051
Tài sản ngắn hạn khác	635	684	699	736	813
Tài sản dài hạn	3,460	3,143	3,261	3,293	3,429
Phải thu dài hạn	13.7	17.2	17.3	13.3	13.7
Tài sản cố định	152	150	144	146	133
Bất động sản đầu tư	334	331	301	299	301
Tài sản dở dang	27.7	22.5	24.2	44.4	44.5
Đầu tư tài chính dài hạn	2,205	1,929	2,008	2,220	2,296
Tài sản dài hạn khác	721	687	762	567	639
Lợi thế thương mại	6.67	5.50	4.34	3.17	2.01
Nợ phải trả	14,209	13,698	14,560	15,074	15,440
Nợ ngắn hạn	8,838	8,525	9,727	9,887	10,156
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,817	1,412	2,325	2,402	2,403
Phải trả người bán ngắn hạn	638	942	1,022	1,175	1,049
Nợ dài hạn	5,371	5,173	4,833	5,187	5,284
Vay và nợ thuê dài hạn	3,788	3,635	3,337	3,705	3,812
Nguồn vốn chủ sở hữu	13,055	13,151	13,134	13,528	13,381
Vốn chủ sở hữu	13,055	13,151	13,134	13,528	13,381
Vốn điều lệ	3,841	3,841	3,841	3,848	3,848
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)